TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HSST
Ngày: 31/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân.

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2023/TLST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HS ngày 21/3/2023 đối với các bị cáo:

1. Cỗ Thanh A, sinh năm 2001, tại tỉnh Đồng Tháp, nơi đăng ký thường trú: Ấp Chánh, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An; chỗ ở: Tổ A, lộ A, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cỗ Thanh Anh K (chết) và bà Phạm Thị H; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 24/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, đến ngày 14/7/2021 chấp hành xong; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Phương U, sinh năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi đăng ký thường trú: Số 156/5 Phùng Thị L, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn Q và bà Lê Thị N; bị cáo chưa có chồng, có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 2005;

Người đại diện hợp pháp của chị H1: Ông Nguyễn Văn Q1, là cha của chị H1; địa chỉ: Số C, Quốc lộ B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Mai Văn L1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số C, Tỉnh lộ 7, tổ I, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ G, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số F, đường N, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Trần Minh H2, sinh năm 2002; địa chỉ: Số D, đường C, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

6. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Khắc V, sinh năm 2002; địa chỉ: Số B, đường F, tổ H, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Phạm Văn V1, sinh năm 1984; địa chỉ: Nhà không số, đường D, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Bà Trương Thị Q2, sinh năm 1978; địa chỉ: Số E, Tỉnh lộ 8, ấp D, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1988; địa chỉ: Tiệm C - Số A, đường L, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS.CC ngày 11/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử Cỗ Thanh A và Lê Thị Phương U về hành vi phạm tội như sau:

Cỗ Thanh A và Lê Thị Phương U sống chung như vợ chồng từ năm 2021 đến nay. Do cả hai đều không có nghề nghiệp, cần tiền tiêu xài, nên Thanh A rủ U cùng đi trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài thì U đồng ý. Anh chuẩn bị bộ dụng cụ gồm 02 cây đoãn và mang theo mỗi khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi phát hiện có tài sản, Anh là người trực tiếp vào lấy trộm, còn U ngồi ngoài xe cảnh giới, sau khi lấy trộm được tài sản Anh là người trực tiếp đi bán rồi cùng nhau tiêu xài. Anh và U đã sử dụng phương thức thủ đoạn nêu trên cùng nhau thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 25/9/2022, Cỗ Thanh A gặp Lê Thị Phương U đang ở tại nhà của U, địa chỉ số A P, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh,

Anh rủ U cùng đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì U đồng ý. Anh mang theo bộ đoãn và điều khiển xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 59Y2-729.41 chở U đi từ nhà U qua nhiều tuyến đường trên địa bàn xã T, huyện C. Khi đến trước nhà trọ số B đường số A, ấp T, xã T, huyện C, A nhìn thấy xe đạp điện của chị Nguyễn Ngọc H1 (sinh ngày 27/3/2005) đang dựng phía trước, không người trông giữ. Anh dừng xe và nói U đứng bên ngoài cảnh giới rồi Anh đi bộ vào nơi để xe đạp điện, cách chỗ để xe khoảng 100 mét, lén lút dùng đoãn bẻ khóa xe rồi điều khiển xe chạy ra chỗ U. Uyên thấy vậy điều khiển xe gắn máy trên tẩu thoát trước, Anh điều khiển xe đạp điện vừa lấy trộm được chạy theo sau Uyên cùng nhau tẩu thoát về nhà U. Sau đó, Anh bán xe đạp điện cho Nguyễn Văn G (sinh năm 1995, chổ ở: ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 700.000 đồng, số tiền này Anh giữ và cùng U tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ 00’ ngày 26/9/2022, Cỗ Thanh A1 mang theo bộ đoãn điều khiển xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ - đen, biển số: 59Y2-729.41 chở Lê Thị Phương U đến huyện Đ, tỉnh Long An để trộm cắp tài sản. Khi đến trước trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Đ thuộc khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ , A phát hiện xe máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu vàng-đen, biển số 62S1 – 017.60 của bà Phạm Thị S (sinh năm: 1962; Nơi thường trú: Ấp H, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An) đang dựng trên vỉa hè không người trông giữ. Lúc này U đứng ngoài canh giới, A1 đi bộ đến chỗ để xe gắn máy biển số 62S1 – 017.60, dùng đoãn mang theo trong người bẻ khóa xe rồi nổ máy. Uyên điều khiển xe gắn máy biển số: 59Y2-729.41 tẩu thoát trước, Anh điều khiển xe gắn máy biển số 62S1 – 017.60 chạy theo sau. Sau đó, Anh thay biển số giả (không nhớ biển số) và thay đổi kết cấu của xe thành màu đen-đỏ để không bị phát hiện. Anh nhờ Nguyễn Khắc V (tự Vũ N2, sinh năm: 2002, chổ ở: ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) bán xe này cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng. Anh cho V 200.000 đồng, số tiền còn lại 1.800.000 đồng Anh cùng U tiêu xài cá nhân hết. Đối với vụ này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long an đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Sau đó chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhập vụ án.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/9/2022, Cỗ Thanh A1 mang theo bộ đoãn rồi điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-đỏ, không nhớ biển số (xe lấy trộm vào ngày 26/9/2022) chở U đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà số C, Tỉnh lộ 7, ấp T, xã T, huyện C, A thấy xe máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, biển số 72C1 – 297.70 của ông Mai Văn L1 đang dựng trước nhà, không người trông coi. Anh dừng xe lại, U ngồi trên xe gắn máy trên cảnh giới, A đứng quan sát xung quanh thấy không có ai nên đi bộ đến chỗ để xe gắn máy biển số 72C1 – 297.70, Anh dùng đoãn bẻ khóa xe rồi nổ máy cùng U tẩu thoát về nhà U. Sau đó, A1 và U thỏa thuận giao xe gắn máy vừa trộm được cho A1 sử dụng làm phương tiện đi lại. Anh thay biển số 59Y2 – 971.09 gắn vào xe gắn máy trộm được, còn biển số: 72C1 – 297.70 Anh mang vứt bờ kênh, không nhớ địa điểm vứt. Anh thay đổi màu sơn của xe thành màu đen và tháo hai bên bửng xe bán phế liệu được 20.000 đồng (cho ai không nhớ).

Vụ thứ tư: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 30/9/2022, Cỗ Thanh A1 mang theo bộ đoãn và điều khiển xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ - đen, biển số: 59Y2-729.41 chở U đi từ nhà qua nhiều tuyến đường tìm tài sản lấy trộm. Khi đi ngang công trình xây dựng bờ sông thuộc ấp C, xã P, huyện C. Anh phát hiện xe máy

hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, biển số 93F1 – 106.30 của ông Nguyễn Văn P (sinh năm 1986, Hộ khẩu thường trú: Xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa) đang dựng xe tại bãi đất trống không người trông giữ. Anh dừng xe lại. Uyên ngồi trên xe gắn máy biển số 59Y2-729.41 cảnh giới, Anh lén lút đi bộ vào nơi để xe gắn máy biển số 93F1 – 106.30, rồi dùng đoãn bẻ khóa xe, nổ máy cùng U tẩu thoát về nhà U. Anh thay biển số 47K6 – 9161 vào xe vừa trộm được và mang biển số 93F1 – 106.30 vứt ở kênh, không nhớ địa chỉ, Anh thay đổi màu sơn tại phần đầu của xe thành màu xám. Sau đó, A1 bán xe cho Phạm Văn V1 (sinh năm: 1984, chổ ở: Khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An) với giá 1.500.000 đồng, V1 bán lại cho bà Trương Thị Q2 (sinh năm 1978, chổ ở: 538/13, Tỉnh lộ 8, ấp D, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh) với giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/10/2022, Cỗ Thanh A1 mang theo bộ đoãn và điều khiển xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ - đen, biển số: 59Y2-729.41 chở U đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà số G, Nguyễn Thị N3, ấp P, xã P, huyện C. Anh nhìn thấy xe máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen, biển số 59Y2 – 893.31 của bà Nguyễn Thị Hồng N1 đang dựng trước nhà, không người trông giữ. Anh dừng xe lại, U ngồi trên xe cảnh giới, Anh đi vào nơi để xe gắn máy biển số 59Y2 – 893.31 dùng đoãn bẻ khóa xe rồi nổ máy cùng U tẩu thoát về nhà U, Anh kiểm tra cốp xe có giấy đăng ký xe. Sau đó, Anh cùng U mang xe biển số 59Y2 – 893.31 đi bán cho anh Trần Văn H3 (sinh năm: 1988) là chủ tiệm cầm đồ "Tiến Phát" thuộc ấp T, xã T, huyện C với giá 6.500.000 đồng nhưng anh H3 chỉ đưa cho Anh 6.000.000 đồng còn lại 500.000 đồng hẹn ngày hôm sau có giấy chứng minh mang đến mới đưa đủ tiền, có làm giấy tờ mua bán. Anh dùng số tiền này cùng U đến tiệm cầm đồ thuộc xã T (không nhớ địa chỉ cụ thể) chuộc điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh cho U đã cầm trước đó khoảng 02 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, đồng thời Anh mua điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu hồng để A1 sử dụng với giá 2.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng Anh và U tiêu xài hết.

Vụ thứ 6: Vào lúc 15 giờ ngày 05/10/2022, Lê Thị Phương U điều khiển xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 59Y2-729.41 chở Anh mang theo bộ đoãn để trộm cắp tài sản. Khi đến trước quán T1 số F đường N, khu phố D, thị trấn C, huyện C, A phát hiện xe máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng – đen, biển số 59Y2-087.56 của anh Trần Minh H2 (sinh năm 2002) đang dựng trước quán không người trông giữ. Anh kêu U quay đầu xe lại, U ngồi trên xe gắn máy biển số 59Y2-729.41 nổ máy sẵn và cảnh giới, Anh xuống xe đi bộ vào nơi để xe gắn máy biển số 59Y2-087.56, cách khoảng 03 mét, Anh lén lút dùng đoãn bẻ khóa xe và ngồi lên xe khởi động máy xe nhưng không nổ máy. Anh quay đầu xe hướng ra đường và đạp máy xe nhưng cũng không nổ máy. Lúc này, Anh đẩy xe xuống đường, vừa đẩy vừa đạp máy xe thì bị người dân tri hô nên Anh bỏ xe chạy bộ ra hướng Quốc lộ B, chạy được khoảng 100 mét thì bị người dân bắt giữ cùng tang vật giao cho Công an thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ xử lý. Uyên điều khiển xe gắn máy biển số 59Y2-729.41 tẩu thoát. Cùng ngày, U đến Công an thị trấn C đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Ngoài ra, khoảng tháng 8/2022, Cỗ Thanh A1 cùng với Nguyễn Khắc V điều khiển xe gắn máy loại Dream (không rõ biển số) đến cổng chào T, đoạn gần khu công nghiệp T, tỉnh Tây Ninh, dừng xe. Tại đây, V kêu Anh ngồi đợi V đi công việc. Khoảng 10 phút sau, V chạy 01 xe máy hiệu Yamaha loại Sirius màu trắng - đen

(không rõ biển số) ra và kêu Anh chạy theo, khi về Vũ chia cho Anh 900.000 đồng, A đã tiêu xài cá nhân hết. V không thừa nhận hành vi trên. Vụ này chưa xác định được bị hại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có thông báo cho Công an thị xã T, tỉnh Tây Ninh điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 195 ngày 26/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 01 chiếc xe đạp điện hiệu Sonsu E-boke, S1 of Japan màu đỏ có trị giá 1.000.000 đồng (BL285-288).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32 ngày 22/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh số khung 640BY-53489, số máy 5C64534872 dung tính 110m3 có trị giá 3.500.000 đồng (BL429).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 196 ngày 26/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 01 xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, màu trắng đen không biển số, số máy 5C64-873343, số khung RLCS5C640CY873382 có trị giá 5.000.000 đồng (BL289-292).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 197 ngày 26/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha loại Sirius màu đen - trắng, không biển số, số khung RLCS5C640CY783689, số máy 5C64-783704 có giá trị là 7.000.000 đồng (BL281-282).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 198 ngày 26/10/2022 Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ - đen, biển số 59Y2 – 893.31, số khung RLCS5C6H0GY242052, số máy 5C6H-242067 có giá trị là 13.500.000 đồng (BL325-326).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 191 ngày 12/10/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 01 xe máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng – đen, biển số 59Y2-087.56, số máy 5C64-483607, số khung 640BY-483602 có giá trị là 8.000.000 đồng (BL218-221).

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh luận tội như sau: Lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp nội dung Cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ; hai bị cáo thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trong thời gian từ ngày 25/9/2022 đến ngày 05/10/2022 với tổng trị giá 38.000.000 đồng và lấy việc phạm tội làm nghề sống và làm nguồn sống chính, do đó có đủ cơ sở kết luận hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với bị cáo Cỗ Thanh A1 về nhân thân không có tiền án, có một tiền sự là ngày 24/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn

15 tháng đến ngày 14/7/2021 chấp hành xong. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Cỗ Thanh A1 phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cỗ Thanh A1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Đối với bị cáo Lê Thị Phương U về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Phương U phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị Phương U từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

* Về xử lý vật chứng:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave RSX màu đỏ - đen, biển số 59Y2 – 729.41, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Lê Thị N nên không xét.

- 01 xe đạp điện hiệu Sonsu, loại S-48CA, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Ngọc H1 nên không xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - trắng, biển số 59Y2 – 971.09, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông Mai Văn L1 nên không xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 59Y2 – 893.31 và 01 giấy đăng ký xe biển số 59Y2 – 893.31 mang tên ông Ngô Văn L2, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N1 nên không xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - trắng, biển số 59Y2 – 087.56, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông Trần Minh H2 nên không xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - trắng, biển số 47K6 – 9161 hai bị cáo trộm của ông Nguyễn Văn P. Bị cáo Thanh A1 gỡ biển số 93F1 – 106.30 vứt bỏ và gắn biển số 47K6 – 9161 vào mang đi bán. Xe này do ông Phạm Văn N4 (thường trú tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước) đứng tên chủ sở hữu. Tháng 8/2000, ông N4 bán cho ông P với giá 7.000.000 đồng chưa sang tên. Qua làm việc, ông N4 không có yêu cầu gì liên quan đến xe gắn máy, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho ông P.

- 01 USB dung lượng 29,2GB có chứa 04 (bốn) đoạn video dung lượng 593MB, gồm: A06-20221004164054: 177MB; A05-200221004170843: 7,76MB; A05-20221004164054: 187MB; A02-20221004164054: 221MB thu giữ của bà Nguyễn Thị Hồng N1 và 01 USB có chứa đoạn video xảy ra vụ việc mất trộm vào ngày 28/9/2022 thu giữ của anh Mai Văn L1 đề nghị Hội đồng xét xử đưa vào hồ sơ vụ án.

- 01 giấy bán xe ghi nhận nội dung Cỗ Thanh Anh bán xe gắn máy biển số: 59Y2 – 893.31 cho người mua là ông H3 đề nghị Hội đồng xét xử đưa vào hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu S2 A23, màu xanh, số kiểu máy: SM-A235F/DS, số Imei: R58T412K8HE của bị cáo U và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng của bị cáo A1, hai bị cáo dùng số tiền 6.000.000 đồng bán xe trộm được của bà Nguyễn

Thị Hồng N1 cho ông Trần Văn H3 để chuộc và mua, đề nghị Hội đồng xét xử tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 cây đoãn tự chế dùng để bẻ khóa xe, bằng kim loại có chiều dài 19cm, phần đầu dài 05cm và 01 cây đoãn tự chế dùng để bẻ khóa xe, bằng kim loại có chiều dài 06cm, bọc nhựa màu đen, phần đầu dài 04cm đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 biển số 59Y2-971.09 và 01 biển số 47K6-9161, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với các biển số 72C1-297.70, biển số 62S1-017.60, biển số 93F1-106.30 Cỗ Thanh Anh vứt ở bờ kênh hiện chưa tìm được và 01 xe gắn máy biển số 62S1-017.60, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm.

* Về dân sự:

- Tại phiên tòa ngày 21/3/2023, bà Phạm Thị S yêu cầu hai bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, hai bị cáo đồng ý bồi thường cho bà S, đề nghị Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo A1 và U mỗi bị cáo bồi thường cho bà S số tiền 6.000.000 đồng.

- Ông Trần Văn H3 yêu cầu hai bị cáo khắc phục số tiền đã bán xe là 6.000.000 đồng, tại phiên tòa hai bị cáo đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo A1 và U mỗi bị cáo trả cho ông H3 số tiền 3.000.000 đồng.

- Bà Trương Thị Q2 yêu cầu khắc phục số tiền 2.000.000 đồng, tại biên bản đối chất ngày 26/12/2022 Phạm Văn V1, là người bán xe cho bà Q2, đồng ý bồi thường cho bà Q2, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Phạm Văn V1 trả cho bà Q2 số tiền 2.000.000 đồng.

Những người bị hại Nguyễn Ngọc H1, Mai Văn L1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Hồng N1 và Trần Minh H2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xét. Ông Nguyễn Văn G không yêu cầu khắc phục số tiền 700.000 đồng mua xe đạp điện nên không xét.

* Đối với số tiền hai bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán xe đạp điện của chị H1 700.000 đồng trong vụ thứ nhất, bán bửng xe của ông L1 20.000 đồng trong vụ thứ ba và bán xe cho Phạm Văn V1 số tiền 1.500.000 đồng trong vụ thứ 4, tổng cộng là 2.220.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 200.000 đồng Nguyễn Khắc V được bị cáo Thanh A1 cho từ việc bán xe của bà S trong vụ thứ hai, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Nguyễn Khắc V nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

Hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U không tranh luận, không tự bào chữa.

Lời nói sau cùng của hai bị cáo: Xin Hội đồng xét xử khoan hồng xử hai bị cáo mức án thấp nhất để hai bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với

nhau và phù hợp các chứng cứ có tại hồ sơ, hai bị cáo đã liên tiếp thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá 38.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 25/9/2022 đến ngày 05/10/2022 và lấy việc phạm tội làm nghề sống và làm nguồn sống chính. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hai bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài hai bị cáo vẫn bất chấp. Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và giáo dục hai bị cáo trở thành người tốt cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[2.1] Trong vụ án này, bị cáo A1 là người chủ mưu, rủ rê bị cáo U đi trộm tài sản đồng thời bị cáo là người chuẩn bị công cụ trộm là 02 cây đoản, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo U tham gia với vai trò cảnh giới để bị cáo A1 trộm cắp tài sản. Hai bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, hành vi của hai bị cáo là đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nhưng áp dụng hình phạt đối với bị cáo A1 nghiêm khắc hơn bị cáo U.

[2.2] Bị cáo Cỗ Thanh A1 về nhân thân không có tiền án, có 01 tiền sự là vào ngày 24/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng đến ngày 14/7/2021 chấp hành xong ngày 05/8/2020. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[2.3] Bị cáo Lê Thị Phương U về nhân thân không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngày 05/10/2022 bị cáo ra đầu thú.

Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với hai bị cáo.

[3] Về dân sự:

Những người bị hại Nguyễn Ngọc H1, Mai Văn L1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Hồng N1 và Trần Minh H2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xét. Ông Nguyễn Văn G không yêu cầu khắc phục số tiền 700.000 đồng mua xe đạp điện nên không xét.

- Tại phiên tòa ngày 21/3/2023, bà Phạm Thị S yêu cầu hai bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, hai bị cáo đồng ý bồi thường cho bà S, Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo A1 và U mỗi bị cáo bồi thường cho bà S số tiền 6.000.000 đồng.

- Ông Trần Văn H3 yêu cầu hai bị cáo bồi thường số tiền đã bán xe là 6.000.000 đồng, tại phiên tòa hai bị cáo đồng ý, Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo A1 và U mỗi bị cáo bồi thường cho ông H3 số tiền 3.000.000 đồng.

- Bà Trương Thị Q2 yêu cầu khắc phục số tiền 2.000.000 đồng, tại biên bản đối chất ngày 26/12/2022 và bản tự khai ngày 30/12/2022 (BL503-505) ông Phạm Văn V1, là

người bán xe cho bà Q2, đồng ý bồi thường cho bà Q2 số tiền 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử buộc ông V1 bồi thường cho bà Q2 số tiền 2.000.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave RSX màu đỏ - đen, biển số 59Y2 – 729.41 do mẹ ruột của bị cáo U là bà Lê Thị N đứng tên chủ sở hữu, bà N cho U mượn làm phương tiện đi làm. Uyên cùng Thanh A1 sử dụng xe đi trộm cắp tài sản bà N không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Lê Thị N là phù hợp.

- 01 xe đạp điện hiệu Sonsu, loại S-48CA, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Ngọc H1 là phù hợp.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - trắng, biển số 59Y2 – 971.09, hai bị cáo trộm của ông Mai Văn L1. Bị cáo Thanh A1 gỡ biển số 72C1-297.70 vứt bỏ và gắn biển số 59Y2 – 971.09 làm phương tiện sử dụng đi lại. Xe này do bà Lâm Thị T (sinh năm 1977, thường trú tại số H, T, phường F, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 28/7/2019, bà T cầm xe cho ông Mai Văn L1, là chủ Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ cầm đồ 668, địa chỉ ấp T, xã T, huyện C số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Đến ngày 25/8/2019 chuộc lại xe, bà T không có khả năng chuộc lại xe nên thuộc quyền sở hữu của ông L1. Qua làm việc, bà T không có yêu cầu gì liên quan đến xe gắn máy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông Mai Văn L1 là phù hợp.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 59Y2 – 893.31, và giấy đăng ký xe biển số 59Y2 – 893.31 do ông Ngô Văn L2, là chồng bà Nguyễn Thị Hồng N1, đứng tên chủ sở hữu, là tài sản chung của ông L2 và bà N1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N1 là phù hợp.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - trắng, biển số 59Y2 – 087.56 hai bị cáo trộm của ông Trần Minh H2. Xe này do bà Nguyễn Thị Lâm V2 (thường trú tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Bà V2 bán cho ông H2 với giá 7.500.000 đồng vào năm 2019, chưa làm giấy tờ mua bán. Qua làm việc, bà V2 không có yêu cầu gì liên quan đến xe gắn máy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông Trần Minh H2 là phù hợp.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - trắng, biển số 47K6 – 9161 hai bị cáo trộm của ông Nguyễn Văn P. Bị cáo Thanh A1 gỡ biển số 93F1 – 106.30 vứt bỏ và gắn biển số 47K6 – 9161 vào mang đi bán. Xe này do ông Phạm Văn N4 (thường trú tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước) đứng tên chủ sở hữu. Tháng 8/2000, ông N4 bán cho ông P với giá 7.000.000 đồng chưa sang tên. Qua làm việc, ông N4 không có yêu cầu gì liên quan đến xe gắn máy, Hội đồng xét xử quyết định trả lại xe cho ông P.

- Đối với 01 giấy bán xe ghi nhận nội dung Cỗ Thanh A1 bán xe gắn máy biển số 59Y2 – 893.31 cho người mua là ông H3, 01 USB dung lượng 29,2GB và 01 USB có chứa đoạn video xảy ra vụ việc mất trộm vào ngày 28/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đưa vào hồ sơ, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục lưu hồ sơ vụ án để tiện tra cứu.

- 01 cây đoãn tự chế dùng để bẻ khóa xe, bằng kim loại có chiều dài 19cm, phần đầu dài 05cm và 01 cây đoãn tự chế dùng để bẻ khóa xe, bằng kim loại có chiều dài 06cm, bọc nhựa màu đen, phần đầu dài 04cm, Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 biển số 59Y2-971.09 qua xác minh thuộc chủ sở hữu tên Nguyễn Văn H4 (thường trú ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh), hiện tại ông H4 đang sử dụng xe máy biển số 59Y2-971.09 nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 biển số 47K6-9161 qua xác minh thuộc chủ sở hữu tên Chu Văn H5 (thường trú thôn G, E, Kro6ng B, Đ), hiện tại ông H5 đang sử dụng xe máy biển số 47K6-9161 nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu S2 A23, màu xanh, số kiểu máy: SM-A235F/DS, số Imei: R58T412K8HE của bị cáo U và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng, số Imei 1: 866263040817279, số Imei 2: 866263040817261 của bị cáo A1, hai bị cáo dùng số tiền 6.000.000 đồng bán xe trộm được của bà Nguyễn Thị Hồng N1 cho ông Trần Văn H3 để chuộc và mua sử dụng, Hội đồng xét xử tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với các biển số 72C1-297.70, biển số 62S1-017.60, biển số 93F1-106.30 Cỗ Thanh Anh vứt ở bờ kênh hiện chưa tìm được và xe gắn máy biển số 62S1-017.60, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa, hai bị cáo A1 và U khai tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe đạp điện của chị H1 700.000 đồng trong vụ thứ nhất, bán bửng xe của ông L1 20.000 đồng trong vụ thứ ba và bán xe cho Phạm Văn V1 số tiền 1.500.000 đồng trong vụ thứ 4, tổng cộng là 2.220.000 đồng, hai bị cáo đã chia nhau tiêu xài hết. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo A1 và U mỗi bị cáo nộp lại số tiền 1.110.000 đồng đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 200.000 đồng Nguyễn Khắc V được bị cáo Thanh A1 cho từ việc bán xe của bà S trong vụ thứ hai, Hội đồng xét xử buộc Nguyễn Khắc V nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Đối với Nguyễn Văn G mua xe đạp điện nhưng không biết xe của bị cáo A1 phạm tội mà có; đối với Phạm Văn V1 không biết xe gắn máy của Cỗ Thanh A1 bán là do bị cáo A1 phạm tội mà có; đối với Nguyễn Khắc V không biết xe gắn máy của Cỗ Thanh A1 bán là do bị cáo A1 do phạm tội mà có; đối với Trương Thị Q2 không biết xe mua của V do phạm tội mà có và đối với Trần Văn H3 mua xe gắn máy của Cỗ Thanh A1 không biết xe do bị cáo A1 phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý, Viện kiểm sát nhân dân huyện C không xét là phù hợp.

Đối với việc Lê Thị Phương U sinh con khi chưa đủ 16 tuổi, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra có kết quả xử lý sau, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi không xét là phù hợp.

Đối với vụ trộm cắp tài sản bị cáo Cỗ Thanh A1 khai cùng Nguyễn Khắc V thực hiện vào tháng 8/2022 tại cổng chào Trảng Bàng đoạn gần Khu công nghiệp T, tỉnh Tây Ninh. Qua làm việc, Nguyễn Khắc V không thừa nhận hành vi trộm cắp cùng bị cáo A1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành cho V và Anh đối chất, kết quả không thống nhất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã gửi

công văn số 4448/CV-CSĐT-CSHS ngày 29/11/2022 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Tây Ninh để phối hợp điều tra (BL329). Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi không xét là phù hợp.

[7] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: "…Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án…", Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên như nêu trên là phù hợp.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Cỗ Thanh A1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Thị Phương U 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2022.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U mỗi bị cáo bồi thường cho bà Phạm Thị S số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Buộc hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U mỗi bị cáo bồi thường cho ông Trần Văn H3 số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bà S và ông H3 có đơn yêu cầu thi hành án nếu hai bị cáo chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng hai bị cáo còn phải trả cho bà S và ông H3 tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 117, 122, 123, 131, 407, 430, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc ông Phạm Văn V1 bồi thường cho bà Trương Thị Q2 số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Q2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông V1 chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông V1 còn phải trả cho bà Q2 tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Buộc hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U mỗi bị cáo nộp lại số tiền 1.110.000 (một triệu một trăm mười nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc ông Nguyễn Khắc V nộp lại số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 cây đoãn tự chế dùng để bẻ khóa xe, bằng kim loại có chiều dài 19cm, phần đầu dài 05cm; 01 cây đoãn tự chế dùng để bẻ khóa xe, bằng kim loại có chiều dài 06cm, bọc nhựa màu đen, phần đầu dài 04cm; 01 biển số 59Y2-971.09; 01 biển số 47K6-9161.

+ Trả cho ông Nguyễn Văn P 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - trắng, không biển số, số khung RLCS5C640CY783689, số máy 5C64-783704.

+ Tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh, số kiểu máy SM-A235F/DS, số Imei R58T412K8HE của bị cáo U và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng, số Imei 1 866263040817279, số Imei 2 866263040817261 của bị cáo Anh để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng nêu trên được liệt kê tại phiếu nhập kho vật chứng số 20/PNK ngày 12/01/2023 (BL509).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Buộc hai bị cáo Cỗ Thanh A1 và Lê Thị Phương U mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

+ Buộc ông Phạm Văn V1 phải nộp án án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hai bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Bộ phận THA hình sự (07);
- Bị hại (06);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (05);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Thắm